

KT3-01138BDK5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025
Trang/ Page 01 / 02

- Tên mẫu
Name of sample : **N-METHYLANILINE (NMA) - LIÊN DANH PVMR-SUNPET (SỐ NIÊM: 0232406)**
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Số lượng: 01 bình kim loại 1 L/ mẫu;
Quantity: 01 metal can 1 L/ sample;
- Lượng mẫu: khoảng 1 L;
Sample size: approx. 1 L;
- Niêm phong: mẫu còn nguyên niêm phong, niêm nhựa số 0232406 + 0030797;
The seal: the sample with intact sealed, The plastic seal No. 0232406 + 0030797;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 23/04/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/04/2025 – 25/04/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : **CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ**
khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTN DẦU KHÍ
HEAD OF PETROLEUM TESTING LAB

Đinh Hoàng Huy

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / *Name of sample(s) and customer are written as customer's request.*
3. Độ không đảm bảo do mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





KT3-01138BDK5/8

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025

Trang/ Page 02 / 02

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Thành phần tính theo diện tích peak của các hợp chất hữu cơ bay hơi	% diện tích peak	GC-MS QTTN/KT3 022:2017		-
	+ n-methylaniline			100	-
7.2	Hàm lượng oxygentate (rượu và ete): Oxygenates content (alcohols and ethers)	% (v/v)	ASTM D 4815 - 22		-
	+ ethanol			KPH	0,20
	+ iso-propyl alcohol			KPH	0,20
	+ iso-butyl alcohol			KPH	0,20
	+ tert-butyl alcohol			KPH	0,20
	+ ete (C >= 5)			KPH	0,20
	- MTBE			KPH	0,20
	- DIPE			KPH	0,20
	- ETBE			KPH	0,20
	- TAME			KPH	0,20
	+ methanol			KPH	0,20
7.3	Khối lượng riêng ở 15 °C Density at 15°C	kg/ L	ASTM D 4052 - 22	0,9900	-
7.4	Hàm lượng sắt (Fe) Iron content	mg/kg	ASTM D 5185 - 18 (ICP - OES)	< 1,0 (**)	-
7.5	Hàm lượng mangan (Mn) Manganese content	mg/kg	ASTM D 5185 - 18 (ICP - OES)	< 1,0 (**)	-
7.6	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	mg/kg	ASTM D 5185 - 18 (ICP - OES)	< 1,0 (**)	-

Ghi chú/ Notice:

ASTM: American Society for Testing and Materials

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER 3

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: ❶ No. 7, road No. 1, Bien Hoa 1 IZ, Dong Nai, Vietnam ❷ CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam ❸ 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam

KT3-01138BDK5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025
Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu : XĂNG NỀN (SỐ NIÊM: 0232939; 0232940)
Name of sample
- Mô tả mẫu : Mẫu thử nghiệm do khách hàng lấy mẫu, tên mẫu và thông tin về mẫu do khách hàng cung cấp.
Description
Testing sample was sampled by customer, sample name and sample information were supplied by customer.
- Số lượng: 02 bình nhựa 30 L/ mẫu;
Quantity: 02 plastic bottle 30 L/ sample;
- Lượng mẫu: khoảng 30 L;
Sample size: approx. 30 L;
- Niêm phong: mẫu còn nguyên niêm phong, niêm nhựa số 0232939 - 0232940;
The seal: the sample with intact sealed, The plastic seal No. 0232939 - 0232940;
- Số lượng mẫu : 01
Quantity
- Ngày nhận mẫu : 23/04/2025
Date of receiving
- Thời gian thử nghiệm : 23/04/2025 – 25/04/2025
Testing duration
- Nơi gửi mẫu : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
Customer
khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Kết quả thử nghiệm : Xem trang tiếp theo / See next page
Testing results

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTN DẦU KHÍ
HEAD OF PETROLEUM TESTING LAB

Đinh Hoàng Huy

TL. GIÁM ĐỐC/PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





ỦY BAN TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG QUỐC GIA
TRUNG TÂM KỸ THUẬT TIÊU CHUẨN ĐO LƯỜNG CHẤT LƯỢNG 3
QUALITY ASSURANCE & TESTING CENTER

Head Office: 49 Pasteur, Dist. 1, HCMC, Vietnam Tel: (84-28) 3829 4274 Fax: (84-28) 3829 3012 E-mail: info@quatest3.com.vn Website: www.quatest3.com.vn
Testing Complex: 6 No. 7, road No. 1, Bien Hoa I Z, Dong Nai, Vietnam 6 CS lot, K1 road, Cat Lai IZ, Thu Duc City, HCMC, Vietnam 6 64 Le Hong Phong, Dist.5, HCMC, Vietnam



KT3-01138BDK5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025

Trang/ Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Ăn mòn lá đồng (50 °C, 3 h) Copper strip corrosion (50 °C, 3 h)	Loại Class	ASTM D 130 - 19	1b	-
7.2	Trị số octan (RON) Research octane number	-	ASTM D 2699 - 22a	87,0	-
7.3	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	g/L	ASTM D 3237 - 22	KPH	0,001
7.4	Thành phần cất: Distillation	-	ASTM D 86 - 20b		-
	+ Điểm sôi đầu (IBP)	°C		33	-
	+ 10 % bay hơi	°C		47	-
	+ 50 % bay hơi	°C		72	-
	+ 90 % bay hơi	°C		136	-
	+ Điểm sôi cuối (FBP)	°C		167	-
	+ Cặn cuối	% (v/v)		1,3	-
7.5	Hàm lượng lưu huỳnh (S) Sulfur content	mg/kg	ASTM D 5453 - 19a	41	-
7.6	Khối lượng riêng ở 15 °C Density at 15 °C	kg/L	ASTM D 4052 - 22	0,7131	-
7.7	Hàm lượng benzen Benzene content	% (v/v)	ASTM D 3606 - 22	2,30	-
7.8	Hàm lượng hydrocacbon thơm Aromatics content	% (v/v)	ASTM D 1319 - 20a	17,5	-
7.9	Hàm lượng olefin Olefins content	% (v/v)	ASTM D 1319 - 20a	16,6	-
7.10	Hàm lượng ôxy Oxygen content	% (m/m)	ASTM D 4815 - 22	< 0,20 (**)	-
7.11	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn) Iron and manganese content	mg/L	ASTM D 3831 - 22		-
	+ Hàm lượng sắt (Fe)			KPH	0,5
	+ Hàm lượng mangan (Mn)			KPH	0,5

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ $k = 2$, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty multiplied by the coverage factor $k = 2$, at 95 % confidence level.
4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.





KT3-01138BDK5/1

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025

Trang/ Page 03 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.12	Hàm lượng oxygenate: Oxygenates content	% (v/v)	ASTM D 4815 - 22		-
	+ ethanol			KPH	0,20
	+ iso-propyl alcohol			KPH	0,20
	+ iso-butyl alcohol			0,3	-
	+ tert-butyl alcohol			KPH	0,20
	+ ete (C >= 5)			0,7	-
	- MTBE			KPH	0,20
	- DIPE			KPH	0,20
	- ETBE			0,7	-
	- TAME			KPH	0,20
	+ methanol			KPH	0,20
	+ các loại keton				-
	- acetone			KPH	0,20
	- MEK			KPH	0,20
	- n-butyl acetate			KPH	0,20
7.13	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) Existent gum content (washed)	mg/100 mL	ASTM D 381 - 22	< 0,5 (**)	-
7.14	Độ ổn định oxy hóa ở 100 °C Oxidation stability at 100 °C	min	ASTM D 525 - 12a (2019)	> 480	-
7.15	Áp suất hơi Reid ở 37,8 °C Reid vapor pressure at 37,8 °C	kPa	ASTM D 4953 - 20	70	-
7.16	Ngoại quan Appearance	-	ASTM D 4176 - 22 (Procedure 1)	Trong suốt, không phân lớp và không có tạp chất	-

Ghi chú/ Notice:

ASTM: American Society for Testing and Materials

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)



- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-01138BDK5/9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

25/04/2025

Trang/ Page 01 / 03

- Tên mẫu
Name of sample : THỰC HIỆN PHA CHẾ THEO TỶ LỆ: 99,0% THỂ TÍCH XĂNG NỀN + 1,0% THỂ TÍCH N-METHYLANILINE (NMA) - LIÊN DANH PVMR-SUNPET
- Mô tả mẫu
Description : Mẫu được Trung tâm 3 pha trộn theo yêu cầu của khách hàng với tỷ lệ pha như sau: 99% thể tích xăng nền (niêm nhự số 0232939 – 0232940) + 1% thể tích n-methylaniline ,niêm nhự số 0232406 + 0030797 - công ty LIÊN DANH PVMR-SUNPET do công ty Cổ phần sản xuất và chế biến dầu khí Phú Mỹ cung cấp.
The sample was blended by Quatest3 according to the customer's specifications with the following composition: 99% by volume of base gasoline (sealed No.0232939 – 0232940) + 1% additive by volume of n-methylaniline sealed No. 0232406 + 0030797; PVMR and SUNPET.
- Số lượng: 01 bình kim loại 4 L/ mẫu;
Quantity: 01 metal can 4 L/ sample;
- Lượng mẫu: khoảng 2 L;
Sample size: approx. 2 L;
- Số lượng mẫu
Quantity : 01
- Ngày nhận mẫu
Date of receiving : 23/04/2025
- Thời gian thử nghiệm
Testing duration : 23/04/2025 – 25/04/2025
- Nơi gửi mẫu
Customer : CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT VÀ CHẾ BIẾN DẦU KHÍ PHÚ MỸ
khu công nghiệp Cái Mép, phường Tân Phước, thị xã Phú Mỹ, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.
- Kết quả thử nghiệm
Testing results : Xem trang tiếp theo / *See next page*

PHỤ TRÁCH PHÒNG PTN DẦU KHÍ
HEAD OF PETROLEUM TESTING LAB

Đinh Hoàng Huy

TL. GIÁM ĐỐC/ PP.DIRECTOR
TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM
HEAD OF TESTING LAB



Phan Thành Trung

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-01138BDK5/9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT



25/04/2025
 Trang/ Page 02 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.1	Ăn mòn lá đồng (50 °C, 3 h) Copper strip corrosion (50 °C, 3 h)	Loại Class	ASTM D 130 - 19	1a	-
7.2	Trị số octan (RON) Research octane number	-	ASTM D 2699 - 22a	90,6	-
7.3	Hàm lượng chì (Pb) Lead content	g/L	ASTM D 3237 - 22	KPH	0,001
7.4	Thành phần cất: Distillation	-	ASTM D 86 - 20b		-
	+ Điểm sôi đầu (IBP)	°C		34	-
	+ 10 % bay hơi	°C		47	-
	+ 50 % bay hơi	°C		73	-
	+ 90 % bay hơi	°C		140	-
	+ Điểm sôi cuối (FBP)	°C		173	-
	+ Cặn cuối	% (v/v)		1,2	-
7.5	Hàm lượng lưu huỳnh (S) Sulfur content	mg/kg	ASTM D 5453 - 19a	52	-
7.6	Khối lượng riêng ở 15 °C Density at 15 °C	kg/L	ASTM D 4052 - 22	0,7170	-
7.7	Hàm lượng benzen Benzene content	% (v/v)	ASTM D 3606 - 22	2,30	-
7.8	Hàm lượng hydrocacbon thơm Aromatics content	% (v/v)	ASTM D 1319 - 20a	18,3	-
7.9	Hàm lượng olefin Olefins content	% (v/v)	ASTM D 1319 - 20a	16,5	-
7.10	Hàm lượng ôxy Oxygen content	% (m/m)	ASTM D 4815 - 22	< 0,20 (**)	-
7.11	Tổng hàm lượng kim loại (Fe, Mn) Iron and manganese content	mg/L	ASTM D 3831 - 22		-
	+ Hàm lượng sắt (Fe)			KPH	0,5
	+ Hàm lượng mangan (Mn)			KPH	0,5

- Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.
- Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.
- Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.
- Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.



KT3-01138BDK5/9

PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

25/04/2025

Trang / Page 03 / 03

STT No.	Tên chỉ tiêu Characteristic	Đơn vị tính Unit	Phương pháp thử Test method	Kết quả thử nghiệm Test result	Giới hạn phát hiện Limit of detection
7.12	Hàm lượng oxygenate: Oxygenates content	% (v/v)	ASTM D 4815 - 22		-
	+ ethanol			KPH	0,20
	+ iso-propyl alcohol			KPH	0,20
	+ iso-butyl alcohol			0,3	-
	+ tert-butyl alcohol			KPH	0,20
	+ ete (C >= 5)			0,7	-
	- MTBE			KPH	0,20
	- DIPE			KPH	0,20
	- ETBE			0,7	-
	- TAME			KPH	0,20
	+ methanol			KPH	0,20
	+ các loại keton				-
	- acetone			KPH	0,20
	- MEK			KPH	0,20
7.13	Hàm lượng nhựa thực tế (đã rửa dung môi) Existent gum content (washed)	mg/100 mL	ASTM D 381 - 22	< 0,5 (**)	-
7.14	Độ ổn định oxy hóa ở 100 °C Oxidation stability at 100 °C	min	ASTM D 525 - 12a (2019)	> 480	-
7.15	Áp suất hơi Reid ở 37,8 °C Reid vapor pressure at 37,8 °C	kPa	ASTM D 4953 - 20	66	-
7.16	Ngoại quan Appearance	-	ASTM D 4176 - 22 (Procedure 1)	Trong suốt, không phân lớp và không có tạp chất	-

Ghi chú/ Notice:

ASTM: American Society for Testing and Materials

KPH: Không phát hiện/ Not detected

(**): Là giới hạn định lượng của phương pháp thử/ Limit of quantification of method (LOQ)

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu do khách hàng gửi đến và không phải là giấy chứng nhận sản phẩm.
 Test results are valid for the namely submitted sample(s) only, and this is not a certificate of product.

2. Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu. / Name of sample(s) and customer are written as customer's request.

3. Độ không đảm bảo đo mở rộng được tính từ độ không đảm bảo đo chuẩn nhân với hệ số phủ k = 2, phân bố chuẩn tương ứng với 95 % độ tin cậy.
 The reported expanded uncertainty of measurement is stated as the standard uncertainty of measurement multiplied by the coverage factor k = 2, at 95 % confidence level.

4. Không được trích sao một phần phiếu kết quả thử nghiệm này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kỹ thuật 3.
 This Test Report shall not be reproduced, except in full, without the written permission by Quatest 3.

5. Mọi thắc mắc về kết quả, khách hàng liên hệ theo địa chỉ dh.cs@quatest3.com.vn để biết thêm thông tin.
 Please contact QUATEST 3 at the email addresses dh.cs@quatest3.com.vn for further information about test report.

